

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Tên ngành, nghề: Chăn nuôi

Mã ngành, nghề: 6620119

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ trình độ Cao đẳng ngành Chăn nuôi có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề nghiệp về lĩnh vực chăn nuôi, thú y:

- Chọn lọc, nhân giống, nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi; vệ sinh phòng bệnh;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Thực hiện phòng và điều trị các bệnh thường gặp trên vật nuôi;
- Có khả năng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi;
- Hiểu biết và có khả năng ứng xử cần thiết để giải quyết các công việc hoặc vấn đề phức tạp liên quan đến ngành nghề được đào tạo;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc cố định hoặc thay đổi và có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tập thể khi thực hiện những nhiệm vụ cụ thể.

1.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức:

- Mô tả được cấu trúc và chức năng sinh lý của các tổ chức, cơ quan bộ phận trong cơ thể động vật;
- Trình bày được các yêu cầu khi chọn địa điểm, kiểu chuồng nuôi;
- Trình bày được các bước thiết kế một chuồng trại chăn nuôi;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp và các yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế xây dựng chuồng trại chăn nuôi;
- Trình bày được nguyên lý và phương pháp bố trí các dụng cụ, trang thiết bị chuồng nuôi và trại chăn nuôi;
- Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm và khả năng sản xuất của từng loại vật nuôi;
- Trình bày được phương pháp giám định, chọn lọc và nhân giống vật nuôi;
- Trình bày được các điều kiện để khai thác tinh dịch, phối giống;

- Mô tả được các bước thực hiện công việc truyền tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm;
 - Trình bày được tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn cho gia súc, gia cầm;
 - Trình bày được đặc điểm và cách sử dụng các loại thức ăn, phương pháp chế biến, phương pháp phối hợp khẩu phần ăn, phối trộn thức ăn, bảo quản và quản lý thức ăn chăn nuôi;
 - Trình bày được các bước công việc tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng thức ăn;
 - Trình bày được cách sử dụng một số chất phụ gia và thức ăn bổ sung, bổ sung vào khẩu phần ăn cho vật nuôi;
 - Trình bày được quy trình trồng và chăm sóc cây thức ăn chăn nuôi;
 - Trình bày được kỹ thuật sử dụng một số chế phẩm vi sinh vật hữu ích ứng dụng vào chế biến thức ăn và xử lý môi trường chăn nuôi;
 - Trình bày được các bước công việc trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm và động vật khác);
 - Trình bày được quy trình phòng và phương pháp chẩn đoán, trị bệnh một số bệnh thường gặp ở vật nuôi;
 - Trình bày được nguyên lý, các biện pháp kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi trách ô nhiễm môi trường;
 - Trình bày được các bước công việc thực hiện quy trình ấp trứng nhân tạo gia cầm;
 - Trình bày được các bước công việc thực hiện quy trình bảo quản, sơ chế một số sản phẩm chăn nuôi đúng yêu cầu kỹ thuật;
 - Mô tả được các bước công việc thực hiện kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi và dụng cụ, thiết bị chăn nuôi;
 - Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
- * Về kỹ năng:**
- Tư vấn thiết kế được chuồng trại chăn nuôi phù hợp với các phương thức và quy mô chăn nuôi theo TVCN;
 - Bố trí, sắp xếp được các dụng cụ, trang thiết bị trong chuồng nuôi khoa học và đúng yêu cầu kỹ thuật;
 - Giám định, chọn lọc và nhân được giống vật nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật giống vật nuôi theo TVCN;
 - Xây dựng và phối trộn được khẩu phần ăn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng các giai đoạn sinh trưởng phát triển của các loại vật nuôi đúng yêu cầu kỹ thuật theo TCVN;
 - Thực hiện được các bước công việc sản xuất, chế biến, bảo quản, sử dụng và quản lý thức ăn chăn nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
 - Thực hiện được các bước công việc trong quy trình trồng và chăm sóc cây thức ăn chăn nuôi;
 - Tổ chức và thực hiện được các bước công việc trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
 - Thực hiện được việc theo dõi khả năng tiêu tốn thức ăn đối với gia súc, gia cầm;

- Lập được quy trình phòng bệnh cho đàn vật nuôi đạt hiệu quả;
- Thực hiện trợ sản được cho gia súc cái đẻ đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện được việc theo dõi sức khỏe ban đầu đối với đàn gia súc, gia cầm nhằm phát hiện trường hợp bất thường để có biện pháp xử lý khi cần thiết;
- Thực hiện được công việc chẩn đoán và điều trị được một số bệnh thường gặp ở vật nuôi;
- Thực hiện được các bước công việc huấn luyện đực giống; khai thác, kiểm tra đánh giá chất lượng, pha chế, bảo quản tinh dịch; truyền tinh nhân tạo; chẩn đoán có thai và đỡ đẻ cho gia súc đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Tổ chức và thực hiện được các bước công việc trong quy trình kỹ thuật sơ chế, bảo quản sản phẩm chăn nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Đánh giá được mức độ ô nhiễm môi trường chăn nuôi và ứng dụng một số kỹ thuật, công nghệ trong xử lý chất thải chăn nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Tổ chức và thực hiện được các hoạt động kinh doanh thức ăn, giống vật nuôi, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi đạt hiệu quả;
- Sử dụng được các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra nền sản xuất nông nghiệp bền vững và phát triển;
- Tư vấn và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi đạt hiệu quả;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Tự chịu trách nhiệm về công việc của mình trước cơ quan, doanh nghiệp và chính quyền nơi mình công tác;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc và vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên khác trong nhóm;
- Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Thích nghi tốt với những môi trường làm việc khó khăn, vất vả;
- Luôn hoàn thành tốt những công việc thường xuyên được giao.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tư vấn thiết kế chuồng trại chăn nuôi;
- Sản xuất giống vật nuôi;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Khai thác, pha chế và bảo quản tinh dịch;
- Thụ tinh nhân tạo;
- Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi;
- Ấp trứng nhân tạo;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống và dụng cụ, thiết bị chăn nuôi.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 35
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 90 tín chỉ (2070 giờ).
- Khối lượng các môn học chung: 25 tín chỉ (495 giờ).
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 65 tín chỉ (1575 giờ).
- Khối lượng lý thuyết: 704 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1280 giờ; Kiểm tra: 86 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I. Các môn học chung		25	495	213	255	27
MH 01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	GDQP&AN	4	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	6	120	42	72	6
MH 07	Kỹ năng giao tiếp	2	30	28	0	2
MH 08	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	28	0	2
II. Các môn học cơ sở, chuyên môn		65	1575	491	1025	59
II.1. Các môn học cơ sở		15	285	154	116	15
MH09	Giải phẫu - Tổ chức học	3	45	42	0	3
MH10	Sinh lý động vật	2	30	28	0	2
MH11	Giống vật nuôi	2	30	28	0	2
MH12	Phương pháp thí nghiệm	2	60	0	58	2
MH13	Di truyền động vật	2	30	28	0	2
MH15	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	2	30	28	0	2
MH16	Vệ sinh chăn nuôi	2	60	0	58	2
II.2. Các môn học chuyên môn		39	1065	238	794	33
MH17	Chăn nuôi lợn	3	45	42	0	3
MH18	Chăn nuôi gia cầm	3	45	42	0	3

MH19	Chăn nuôi trâu, bò	3	45	42	0	3
MH20	Chẩn đoán và bệnh nội khoa gia súc	2	30	28	0	2
MH21	Bệnh truyền nhiễm thú y	2	30	28	0	2
MH22	Bệnh ký sinh trùng thú y	2	30	28	0	2
MH23	Bệnh ngoại sản khoa gia súc	2	30	28	0	2
MH24	Quản lý chất thải chăn nuôi	2	60	0	58	2
MH26	Thực hành thiết kế xây dựng chuồng trại trong chăn nuôi	3	90	0	87	3
MH27	Thực hành phối hợp khẩu phần, chế biến thức ăn cho vật nuôi	4	120	0	116	4
MH28	Thực hành chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi	3	90	0	87	3
MH29	Thực tế cơ sở	4	180	0	176	4
MH30	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
III.3. Các môn học thay thế môn thi tốt nghiệp		5	120	28	87	5
MH31	Dược lý thú y	2	30	28	0	2
MH32	Thực hành Chọn giống – Thụ tinh nhân tạo cho vật nuôi	3	90	0	87	3
II.4. Môn học tự chọn (chọn 1 trong 3 hướng chuyên ngành sau)		6	105	71	28	6
Chuyên ngành: Chăn nuôi - Thú y						
MH33	Chăn nuôi dê, thỏ	2	30	28	0	2
MH34	Chăn nuôi cá nước ngọt	2	30	28	0	2
MH35	Luật thú y	2	45	15	28	2
Chuyên ngành: Khuyến nông						
MH36	Lập kế hoạch khuyến nông	2	30	28	0	2
MH37	Quản lý chất lượng nông sản, thực phẩm	2	30	28	0	2
MH38	Thực hành nông nghiệp tốt và nông nghiệp an toàn	2	45	15	28	2
Chuyên ngành: Kinh tế chăn nuôi						
MH39	Lập và quản lý dự án	2	30	28	0	2
MH40	Quản trị doanh nghiệp	2	30	28	0	2
MH41	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
Tổng cộng:		90	2070	704	1280	86

4. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1 25(17,8)	Học kỳ 2 17(11,6)	Học kỳ 3 20(15,5)	Học kỳ 4 16(8,8)	Học kỳ 5 12(1,11)
GD Chính trị 4(3,1)	Gải phẫu – Tổ chức học 3(3,0)	Dược lý thú y 2(2,0)	Bệnh TN thú y 2(2,0)	TC chuyên ngành 3 2(1,1)
Pháp luật 2(2,0)	Sinh lý động vật 2(2,0)	Chăn nuôi lợn 3(3,0)	Bệnh NSK gia súc 2(2,0)	Thực tế cơ sở 4(0,4)
GD thể chất 2(0,2)	Giống vật nuôi 2(2,0)	Chăn nuôi gia cầm 3(3,0)	Phương pháp TN 2(0,2)	Thực tập tốt nghiệp 6(0,6)
Kỹ năng GT 2(2,0)	Vệ sinh chăn nuôi 2(0,2)	Chăn nuôi trâu bò 3(3,0)	TH CG TTNT cho VN 3(0,3)	
Tin học 3(1,2)	Di truyền động vật 2(2,0)	Chẩn đoán và Bệnh nội khoa gia súc 2(2,0)	TH chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi 3(0,3)	
Tiếng Anh 6(4,2)	DD và thức ăn chăn nuôi 2(2,0)	Bệnh KST thú y 2(2,0)	TC chuyên ngành 1 2(2,0)	
Khởi tạo DN 2(2,0)	TH phối hợp khẩu phần, chế biến thức ăn cho VN 4(0,4)	Quản lý chất thải chăn nuôi 2(0,2)	TC chuyên ngành 2 2(2,0)	
GDQP – An ninh 4(3,1)		TH Thiết kế, XD chuồng trại trong CN 3(0,3)		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Thực hiện các môn học trong chương trình đào tạo

- Các môn học chung bắt buộc: các khoa, bộ môn tổ chức giảng dạy theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;
- Chọn chuyên ngành và các môn tự chọn: Các khoa, bộ môn, CVHT-GVCN hướng dẫn HSSV chọn chuyên ngành phù hợp với bản thân, kèm theo các môn học theo hướng chuyên ngành đảm bảo đủ tối thiểu số tín chỉ quy định.
- Chọn các môn học thay thế: HSSV có thể lựa chọn các môn học thay thế quy định trong các môn học tự chọn của chương trình nhưng phải đảm bảo theo hướng chuyên ngành và có số tín chỉ không ít hơn số tín chỉ của môn học đã học;
- Thứ tự lựa chọn các môn học phải đảm bảo các môn học trước, các môn học tiên quyết quy định trong chương trình;
- Đảm bảo số tín chỉ tối thiểu và tối đa đối với từng trạng thái của HSSV trong thời điểm đăng ký môn học.

5.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia thực hành thực tập tại phòng thực hành, tại các địa điểm thực tế vào thời điểm cuối khóa và thực tập nghề nghiệp;
- Học tập chính trị đầu khoá; Học tập về Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Tham gia phong trào Thanh niên tình nguyện; Kỹ năng tìm việc làm;
- Tổ chức các diễn đàn Thanh niên lập nghiệp, Phát triển kinh tế hộ gia đình, Giáo dục an toàn giao thông, Giáo dục sức khoẻ giới tính;
- Thời gian hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm thích hợp.

5.3. Phương pháp giảng dạy

- Giảng viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của người học, trên cơ sở phát triển vốn kiến thức, kỹ năng mà người học đã tích lũy được. Khuyến khích giảng viên áp dụng các PPGD sáng tạo phát huy năng lực của cá nhân và nhóm, cần kết hợp giữa giao nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà với giải đáp, truyền thụ các kiến thức mới trọng tâm trên lớp, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kiến thức mới với củng cố, hệ thống hóa kiến thức. Thông qua các hình thức kiểm tra thường xuyên, định kỳ để phát hiện, bổ sung kiến thức thiếu cho người học.
- Giảng viên cần tạo môi trường học tập phù hợp với từng loại hình bài dạy, khuyến khích người học phát huy tối đa khả năng của cá nhân, đồng thời tạo cơ hội để phát triển năng lực tổ chức và hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Giảng viên cần cụ thể việc lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy trong kế hoạch bài học (giáo án).
- Đầu mỗi năm học khoa, bộ môn tổ chức cho giảng viên đăng ký các PPGD sẽ áp dụng trong năm học đối với từng môn học được phân công giảng dạy. Trên cơ sở phân công của bộ môn, giảng viên đăng ký đổi mới PPGD với bộ môn và khoa trong đó cần cụ thể thời điểm đăng ký và thực hiện cải tiến PPGD trong năm học.

5.4. Hướng dẫn phương pháp đánh giá môn học

5.4.1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

5.4.2. Thi kết thúc môn học

- Cuối mỗi học kỳ nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hàng năm khoa, bộ môn tổng hợp hình thức thi kết thúc môn học trình Hiệu trưởng phê duyệt thông qua phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác được quy định trong chương trình chi tiết môn học;

- Nội dung thi hết môn học phải đảm bảo đánh giá người học đạt hay không đạt chuẩn đầu ra của môn học, đồng thời phân loại được người học. Giảng viên quy định rõ về mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học đối với từng môn học trong đề cương môn học.

- Môn học được đánh giá là đạt yêu cầu nếu điểm môn học đạt từ 4 trở lên theo thang điểm 10 tương ứng với điểm D theo thang điểm 4.

5.5. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

- Hoàn thành môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất theo quy định;

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

- Người học được công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

5.6. Việc cập nhật kiến thức, kỹ năng, khoa học công nghệ vào chương trình đào tạo

- Hàng năm khoa, bộ môn tổ chức cho người học tham gia các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập tại cơ sở như các cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã,... tổ chức lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng, nghiệm thu chương trình đào tạo.

- Giảng viên thực hiện việc cập nhật những tiến bộ của khoa học công nghệ trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khác có cùng ngành, nghề đào tạo; lựa chọn, tham khảo chương trình đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng trong khu vực và trên thế giới.

5.7. Các điều kiện đảm bảo chất lượng

(có phụ lục kèm theo: Trang thiết bị, nhà giáo, danh mục GTTL)

Phụ lục: Các điều kiện đảm bảo chất lượng tại tiểu mục 5.7, mục 5 hướng dẫn sử dụng chương trình (đính kèm chương trình đào tạo).

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 03 phòng

- Số phòng thực hành: 06 phòng

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
THIẾT BỊ AN TOÀN				
1	Bộ bảo hộ lao động	Bộ	18	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn bảo hộ lao động
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>			
	Quần, áo bảo hộ	Chiếc	01	
	Áo blouse	Chiếc	01	
	Găng tay	Đôi	02	
	Khẩu trang	Chiếc	01	
	Ủng	Đôi	02	
THIẾT BỊ, DỤNG CỤ CHUYÊN NGÀNH				
2	Máy đo chức năng phổi	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường
3	Máy đếm nhịp tim, nhịp thở	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường
4	Máy phân tích thức ăn	Chiếc	1	- Xác định được giá trị năng lượng thô của thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng vật chất khô, các chất hữu cơ P, G, L và khoáng tổng số
5	Máy nghiền thức ăn chăn nuôi	Chiếc	1	Năng suất ≥ 300 kg/giờ
6	Máy trộn thức ăn	Chiếc	1	Năng suất ≥ 100 kg thức ăn/ lần
7	Máy ép viên thức ăn	Chiếc	1	Năng suất ≥ 100 kg/h
8	Máy thái thức ăn xanh	Chiếc	1	Năng suất ≥ 250 kg/giờ
9	Máy phân tích chất đạm	Chiếc	1	Phạm vi đo: $\leq 100\%$ Độ chính xác: 0,1 %
10	Máy phân tích chất béo	Chiếc	1	Phạm vi đo: $\leq 100\%$ Độ chính xác: 0,1 %
11	Máy phân tích xơ	Chiếc	1	Phạm vi đo: $\leq 100\%$ Độ chính xác: 0,1 %
12	Máy phân tích chất khoáng	Chiếc	1	Phạm vi đo: $\leq 100\%$ Độ chính xác: 0,1 %
13	Máy phân tích trứng gia cầm	Chiếc	1	Xác định các chỉ tiêu cơ bản về số lượng và chất lượng trứng
14	Máy ấp trứng	Chiếc	1	Năng suất \geq ấp 5000 trứng
15	Máy nở	Chiếc	1	Năng suất ≥ 3000 trứng
16	Máy phân tích sữa	Chiếc	1	- Xác định hàm lượng vật chất khô - Phân tích tối thiểu được chất: đạm, đường, hàm lượng mỡ trong sữa

17	Máy vắt sữa	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường
18	Máy phát hiện động dục	Chiếc	6	Loại thông dụng trên thị trường
19	Máy chẩn đoán có thai	Chiếc	1	Có đầu dò siêu âm chẩn đoán có thai sớm lúc 2 tuần tuổi
20	Máy chẩn đoán viêm vú gia súc	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường
21	Máy xác định nồng độ tinh dịch	Chiếc	1	- Dung tích $\geq 0,5 \text{ m}^3$, - Hiện thị kết quả dưới dạng số, khoảng cách đơn vị tính 1 triệu
22	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm	chiếc	2	Phạm vi đo nhiệt độ: $\leq 100 \text{ }^\circ\text{C}$ Độ chính xác nhiệt độ $0,1 \text{ }^\circ\text{C}$ Phạm vi đo độ ẩm: $\leq 100\%$ Độ chính xác độ ẩm: 1%
23	Máy đo tốc độ gió	Chiếc	2	- Đo phạm vi : $0,4 \text{ m/s} \div 30 \text{ m/s}$. - Độ chính xác: $0,1 \text{ m/s}$
24	Máy đo cường độ chiếu sáng	Chiếc	1	- Phạm vi đo: $\leq 100000 \text{ Lux}$ - Độ chính xác $0,01 \text{ Lux}$
25	Máy sưởi	Chiếc	1	- Có chế độ cài đặt nhiệt trên 2 mức - Hệ thống sưởi ấm phần tử có ống thạch anh
26	Máy phân tích nước uống	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường
27	Máy lọc nước	Chiếc	1	- Lọc được các kim loại nặng, các chất bẩn có trong nước - Năng suất lọc $\geq 05 \text{ lít/giờ}$
28	Máy cất nước hai lần	Chiếc	1	Năng suất $\geq 2,0 \text{ lít/giờ}$
29	Máy bốc hơi nước	Chiếc	1	Dung tích $\geq 100 \text{ lít}$
30	Máy quay ly tâm	Chiếc	1	Tốc độ quay $\geq 3000 \text{ vòng/phút}$
31	Máy phun thuốc khử trùng	Chiếc	1	- Dung tích bình chứa $\leq 10 \text{ lít}$. - Tốc độ phun $\geq 0,15 \text{ lít/ phút}$.
32	Máy lắc ổn nhiệt	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường
33	Máy định danh vi khuẩn	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường
34	Máy lấy mẫu vi khuẩn trong không khí	Chiếc	1	- Lưu lượng không khí $\geq 100 \text{ lít/phút}$ - Dung tích $\leq 999 \text{ lít}$
35	Máy đếm khuẩn lạc	Chiếc	1	- Thay đổi chiều cao để tạo ánh sáng trực tiếp hoặc gián tiếp trên vùng diện tích $\geq 145 \text{ mm}$ - Sử dụng với đĩa petri đường kính $\leq 145 \text{ mm}$.
36	Máy đo độ dày mỡ lưng	Chiếc	2	Loại thông dụng trên thị trường
37	Máy đo độ dai của thịt	Chiếc	1	Loại thông dụng trên thị trường
38	Máy cắt mỏ gà	Chiếc	2	Tốc độ cắt $\geq 1500 \text{ con /giờ}$.
39	Máy ép chân tăng	Chiếc	1	Năng suất $\geq 5 \text{ bánh/ lần}$
40	Kính hiển vi	Chiếc	5	Độ phóng đại $\geq 100 \text{ lần}$
41	Kính hiển vi điện tử	Chiếc	1	Độ phóng đại $\geq 100 \text{ lần}$
42	Kính lúp	Chiếc	7	- Cán dài $\geq 8 \text{ cm}$. - Độ phóng đại $\geq 10 \text{ lần}$

43	Nhiệt kế	Chiếc	1	Phạm vi đo $\leq 100^{\circ}\text{C}$
44	Âm kế	Chiếc	1	- Phạm vi đo $\leq 100\%$. - Độ chia: 0,5 %
45	Nồi hấp	Chiếc	1	- Dung tích ≥ 15 lít - Nhiệt độ buồng hấp $\geq 100^{\circ}\text{C}$
46	Tủ sấy	Chiếc	1	- Dung tích ≥ 100 lít. - Nhiệt độ buồng sấy $\geq 100^{\circ}\text{C}$
47	Tủ lạnh	Chiếc	1	- Dung tích ≥ 150 lít - Có quạt chống tuyết ngăn đá
48	Phích lạnh	Chiếc	6	Dung tích ≥ 3 lít
49	Bàn mổ đại gia súc	Chiếc	1	Kích thước $\geq 100\text{cm} \times 220\text{cm}$. Điều chỉnh độ cao, nâng hạ bằng vô lăng tay
50	Bàn mổ tiểu gia súc	Chiếc	1	- Kích thước mặt bàn: $\geq 75\text{cm} \times 150\text{cm}$. Điều chỉnh độ cao, có nắp giữ hay chốt hãm - Có bộ phận cố định gia súc
51	Ống nghe	Chiếc	5	Loại thông dụng trung ngành thú y
52	Thước dây	Chiếc	35	- Chiều dài $\geq 2\text{m}$ - Độ chia 1mm
53	Thước đo khối lượng trâu, bò	Chiếc	35	- Chiều dài $\geq 2\text{m}$ - Độ chia chiều dài 1mm - Độ chia khối lượng: 0,5 kg
54	Thước gậy	Chiếc	35	Độ chia 1mm
55	Thước compa	Chiếc	7	Độ chia 1mm
56	Thước kẹp	Chiếc	7	Độ chia 0,1mm.
57	Cân rôbecval	Chiếc	1	Phạm vi cân $\geq 0,1$ gram
58	Cân điện tử	Chiếc	2	Độ chính xác: 10^{-1}g
59	Cân đồng hồ	Chiếc	1	- Phạm vi cân $\leq 100\text{kg}$ - Độ chia $\leq 0,2\text{kg}$
60	Cân bàn	Chiếc	1	Phạm vi cân $\leq 300\text{kg}$
61	Buồng đếm Newbaor	Chiếc	1	Bao gồm cả 2 loại: buồng đếm hồng cầu và buồng đếm bạch cầu
62	Bình ni tơ lỏng	Chiếc	1	- Dung tích $\geq 5,0$ lít - Số gáo đựng mẫu ≥ 3 cái
63	Bơm tiêm tự động	Chiếc	2	Dung tích $\geq 5\text{ml}$
64	Huyết sắc kế Saly	Chiếc	1	Xác định được chỉ tiêu Hemoglobin trong máu
65	Tủ cấy vi sinh	Chiếc	1	Tủ đơn Dung tích ≥ 500 lít Nhiệt độ $35^{\circ}\text{C} \div 37^{\circ}\text{C}$
66	Máy tính bấm tay	Chiếc	5	Loại 9÷12 số
67	Kìm đánh số tai	Chiếc	5	Loại bấm cạnh; bấm lỗ tròn; gắn số tai
68	Kìm thiến bê, nghé đực	Chiếc	7	Loại thông dụng trên thị trường
69	Máng ăn cho lợn	Chiếc	3	- Dung tích $\geq 10\text{kg}$ thức ăn tinh

				- Tự điều chỉnh được lượng thức ăn
70	Máng ăn cho trâu bò	Chiếc	3	- Có ngăn chứa thức ăn tinh và thức ăn xanh - Điều chỉnh được lượng thức ăn
71	Máng ăn cho gia cầm	Chiếc	5	Dung tích ≥ 3 kg/ lần
72	Máng uống	Chiếc	5	- Dung tích ≥ 05 lít nước uống - Tự điều chỉnh được lượng nước uống
73	Núm uống tự động	Chiếc	7	- Có núm uống tự đóng, mở khi gia súc, gia cầm uống
74	Thiết bị phân tích trứng	Chiếc	1	- Xác định khối lượng trứng, chiều cao lòng trắng và màu sắc lòng đỏ - Xác định hàm lượng dinh dưỡng trứng
75	Cổ định gia súc	chiếc	1	Chiều dài ≥ 2 m, Rộng $\geq 0,5$ m Chiều cao $\geq 0,8$ m, Có điều chỉnh kích thước các chiều
76	Dụng cụ khử trùng âm đạo giả	Chiếc	1	- Nhiệt độ khử trùng $\leq 100^{\circ}\text{C}$ - Áp suất $\leq 0,02$ bar
77	Dụng cụ phân tích đạm	Chiếc	1	Xác định hàm lượng ni tơ và đạm tổng số
78	Bình phun thuốc khử trùng thủ công	Chiếc	1	Dung tích bình chứa ≤ 18 lít
79	Âm đạo giả trâu, bò	Chiếc	7	- Kích thước ≥ 41 cm - Có túi ủ âm
80	Mô hình vật nuôi	bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
81	Bộ khung xương	bộ	01	Phân khung xương nguyên vẹn của trâu, bò, lợn, gia cầm,
82	Mô hình cấu tạo tế bào	Bộ	1	Loại thông dụng trên thị trường
83	Bộ dụng cụ thú y	Bộ	2	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về thú y
	Một bộ bao gồm			
	- Dao liền lưỡi	Chiếc	2	
	- Cán dao mổ	Chiếc	2	
	- Kéo thẳng	Chiếc	2	
	- Kéo cong	Chiếc	2	
	- Panh răng chuột	Chiếc	5	
	- Panh cầm máu	Chiếc	5	
	- Kẹp dẹp	Chiếc	2	
	- Kẹp dẹp	Chiếc	2	
	- Kẹp ruột	Chiếc	4	
	- Móc mở vết thương	Chiếc	4	
	- Bơm tiêm 20ml	Chiếc	5	
	- Bơm tiêm 10ml	Chiếc	5	
	- Bơm tiêm tự động	Chiếc	5	
- Lưỡi dao mổ rời	Hộp	5		
- Kim khâu các loại	Hộp	5		

	- Kim tiêm	Hộp	5	
	- Kim kẹp kim	Chiếc	2	
	- Panh vót dụng cụ	Chiếc	1	
	- Ống nghe	Chiếc	1	
	- Nhiệt kế	Chiếc	2	
	- Khay đựng dụng cụ	Chiếc	2	
84	Bộ đồ mổ gia súc	Bộ	1	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	- Dao lột da	Chiếc	2	Dài 30 cm
	- Dao lấy tiết	Chiếc	2	Dài 35 cm
	- Dao cắt cơ	Chiếc	2	Dài 30 cm
	- Cưa xương	Chiếc	2	Khung bằng thép không gỉ
	- Đục xương	Chiếc	2	Dài 35 cm
	- Búa liền cán	Chiếc	2	1 đầu búa, 1 đầu lưỡi
	- Búa cán gỗ	Chiếc	2	Dài 35 cm
	- Móc treo tổ chức	Chiếc	2	3 móc treo có dây xích
THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO				
85	Máy vi tính	Bộ	1	Loại có cấu hình thông dụng tại thời điểm mua sắm
86	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	- Cường độ chiếu sáng ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước phong chiếu $\geq 1800\text{mm} \times 1800\text{mm}$

2. Nhà giáo

- a) Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: 14
b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 6.8
c) Nhà giáo cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
A. Giáo viên môn chung					
1	Nguyễn Văn Quang	Thạc sĩ	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP		Pháp luật
2	Đào Thị Hợi	Thạc sĩ			GD Chính trị
3	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Thạc sĩ			Tiếng Anh
4	Nguyễn Hữu Thọ	Thạc sĩ			Tin học
5	Doãn Thu Thanh	Đại học			Giáo dục thể chất
6	Nguyễn Mạnh Cường	Thạc sĩ			Giáo dục quốc phòng – an ninh
7	Hà Mai Hoa	Thạc sĩ			Kỹ năng giao tiếp
8	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ			Khởi tạo doanh nghiệp
B. Giáo viên chuyên môn					
1	Nguyễn Thị Nga	Đại học Chăn nuôi -	Chứng chỉ SP		Chăn nuôi cá nước ngọt

		Thú y	dạy nghề		Sinh lý động vật
					Thực hành thiết kế xây dựng chuồng trại trong chăn nuôi
					Quản lý chất thải chăn nuôi
2	Nguyễn Thị Thu Chung	Thạc sĩ Chăn nuôi	Chứng chỉ SP dạy nghề		Chăn nuôi lợn
					Phương pháp thí nghiệm
					Bệnh ngoại sản khoa gia súc
					Chăn nuôi dê thỏ
3	Hoàng Văn Thiện	Thạc sĩ Chăn nuôi	Chứng chỉ SP dạy nghề		Di truyền động vật
					Thực hành chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi
					Bệnh ký sinh trùng thú y
					Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi
4	Hoàng Văn Giáp	Thạc sĩ Chăn nuôi	Chứng chỉ SP dạy nghề		Giống vật nuôi
					Thực hành Chọn giống – Thụ tinh nhân tạo cho vật nuôi
					Chăn nuôi gia cầm
					Chẩn đoán và Bệnh nội khoa gia súc
5	Nông Thị Thanh	Đại học Chăn nuôi-Thú y	Chứng chỉ SP dạy nghề		Giải phẫu - Tổ chức học
					Chăn nuôi trâu bò
					Bệnh truyền nhiễm thú y
					Thực hành phối hợp khẩu phần, chế biến thức ăn chăn nuôi
6	Nguyễn Việt Thắng	Thạc sĩ Thú y	Chứng chỉ SP dạy nghề		Vệ sinh chăn nuôi
					Dược lý thú y
					Luật thú y

3. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a. Tên chương trình: Chăn nuôi

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

b. Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy của ngành, nghề:

Stt	Tên môn học	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
A	Các môn chung				
1	Giáo dục chính trị	Tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
2	Pháp luật	Tài liệu dạy học môn Pháp luật	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
3	Giáo dục thể chất	Tài liệu dạy học môn GDTC	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
4	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	Tài liệu dạy học môn GDQP-AN	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
5	Tin học	Tài liệu dạy học môn Tin học	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
6	Tiếng Anh	Tài liệu dạy học môn Tiếng Anh	Tập thể tác giả	Tổng cục GDNN	2020
7	Kỹ năng giao tiếp	Nhập môn khoa học giao tiếp	- Bùi Thị Xuân Mai	Lao động Xã hội	2001
		Tâm lý học truyền thông và giao tiếp	- Nguyễn Thị Oanh	Đại học Mở Bán công TP HCM	1995
8	Khởi tạo doanh nghiệp	Giáo trình khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	- Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH Kinh tế quốc dân	2011
B	Các môn chuyên môn				
1	Giải phẫu - Tổ chức học	Giáo trình giải phẫu vật nuôi	Đặng Quang Nam	Nông nghiệp	2002
		Giáo trình Giải phẫu so sánh động vật	Lê Trọng Sơn	ĐH Huế	2014
		Giáo trình Tổ chức và phôi thai động vật	Phạm Thị Hiền Lương	Nông nghiệp	2009
2	Sinh lý động vật	Giáo trình sinh lý học vật nuôi	Cù Xuân Dần	Nông nghiệp	2008
		Giáo trình Sinh lý học vật nuôi	Hoàng Toàn Thắng	Nông nghiệp	2006
		Giáo trình giải phẫu sinh lý động vật	Nguyễn Danh Phương	Thống Kê	2005
3	Giống vật nuôi	Giáo trình Chọn giống và nhân giống vật nuôi	Nguyễn Đức Hưng, Nguyễn Minh Hoàn, Lê Đình Phùng	ĐH Huế	2008
		Giáo trình giống	Văn Lệ Hằng	Giáo dục	2006

		vật nuôi			
		Giáo trình giống vật nuôi	Đặng Vũ Bình	ĐH sư phạm	2009
4	Phương pháp thí nghiệm	Giáo trình Phương pháp thí nghiệm	Nguyễn Thị Lan (chủ biên)	Nông nghiệp	2005
		Giáo trình Thiết kế thí nghiệm	Nguyễn Đình Hiền, Đỗ Đức Lực	Nông nghiệp	2007
5	Di truyền động vật	Giáo trình Di truyền động vật	Nguyễn Hoàng Thịnh	Nông nghiệp	2018
		Giáo trình Di truyền học động vật	Phan Cự Nhân	Khoa học và kỹ thuật	2001
6	Dược lý thú y	Giáo trình Dược lý học thú y	Huỳnh Kim Diệu	ĐH Cần Thơ	2012
		Giáo trình Dược lý học thú y	Bùi Thị Tho (chủ biên)	ĐH Nông Nghiệp	2015
7	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Giáo trình Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Vũ Duy Giảng	ĐH sư phạm	2007
		Giáo trình Dinh dưỡng vật nuôi	Lê Đức Ngoan	ĐH Huế	2014
		Thức ăn và dinh dưỡng động vật	Dương Thanh Liêm	Nông nghiệp	2002
		Sử dụng phụ phẩm nuôi gia súc nhai lại	Nguyễn Xuân Trạch	Nông nghiệp	2003
8	Vệ sinh chăn nuôi	Giáo trình Vệ sinh gia súc	Vũ Đình Vượng	Nông nghiệp	2007
		Giáo trình Vệ sinh môi trường chăn nuôi	Nguyễn Văn Thu, Nguyễn Thị Tuyết Nhung	ĐH Cần Thơ	2011
		Giáo trình Vệ sinh vật nuôi	Đỗ Ngọc Hòe	Hà Nội	2005
9	Chăn nuôi lợn	Giáo trình Chăn Nuôi lợn	Võ Trọng Hót	ĐH Sư Phạm	2007
		Giáo trình Chăn Nuôi lợn	Vũ Đình Tôn	Nông nghiệp	2009
10	Chăn nuôi gia cầm	Giáo Trình Chăn Nuôi Gia Cầm	Trần Thanh Vân (chủ biên)	Nông nghiệp	2015
		Giáo trình chăn nuôi gia cầm	Nguyễn Thị Mai	Nông nghiệp	2009
11	Chăn nuôi trâu, bò	Giáo trình chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Xuân Trạch (chủ biên)	Nông nghiệp	2006
		Giáo trình chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Văn Bình, Trần Văn Tường	Nông nghiệp	2007

12	Chẩn đoán và bệnh nội khoa	Giáo trình Chẩn đoán và nội khoa thú y	Phạm Ngọc Thạch (chủ biên)	Nông nghiệp	2009
		Giáo trình Chẩn đoán bệnh gia súc	Chu Đức Thắng	Nông nghiệp	2007
		Giáo trình Bệnh nội khoa gia súc	Phạm Ngọc Thạch	Nông nghiệp	2006
		Giáo trình chẩn đoán bệnh gia súc, gia cầm	Nguyễn Thị Ngân (chủ biên)	Nông nghiệp	2016
13	Bệnh truyền nhiễm thú y	Giáo trình Bệnh truyền nhiễm vật nuôi	Hồ Thị Việt Thu (chủ biên)	ĐH Cần thơ	2014
		Giáo trình Bệnh truyền nhiễm thú y	Phạm Hồng Sơn	Đại học Huế	2005
14	Bệnh ngoại sản khoa gia súc	Bài giảng sinh lý sinh sản gia súc	Nguyễn Văn Thanh	Nông nghiệp	2009
		Bài giảng sinh sản gia súc	Phan Vũ Hải	ĐH Nông Lâm Huế	2006
		Bệnh sinh sản gia súc	Nguyễn Văn Thanh	Nông nghiệp Hà Nội	2003
		Giáo trình Bệnh ngoại khoa thú y	Vũ Như Quán, Sử Thanh Long, Nguyễn Hoài Nam	Học viện Nông nghiệp	2019
		Bệnh ngoại khoa gia súc	Huỳnh Văn Kháng	Nông nghiệp	2003
15	Bệnh ký sinh trùng thú y	Giáo trình Ký sinh trùng học thú y	Nguyễn Thị Kim Lan	Nông Nghiệp	2008
		Giáo trình Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm	Nguyễn Hữu Hưng	ĐH cần Thơ	2011
16	Quản lý chất thải chăn nuôi	Bài giảng Quản lý chất thải chăn nuôi	Bùi Hữu Đoàn (chủ biên)	ĐH Nông Nghiệp HN	2011
		Giáo trình Quản lý chất lượng môi trường	Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thị Vân Hà	Xây dựng	2010
17	Thực hành Chọn giống – Thụ tinh nhân tạo cho vật nuôi	Giáo trình giống vật nuôi	Đặng Vũ Bình	ĐH sư phạm	2009
		Giáo trình Chọn giống và nhân giống vật nuôi	Nguyễn Đức Hưng, Nguyễn Minh Hoàn, Lê Đình Phùng	ĐH Huế	2008
		Truyền giống nhân tạo vật nuôi	Nguyễn Đức Hùng	Nông nghiệp	2003

		Giáo trình truyền tinh nhân tạo cho bò	Đình Văn Cải	Nông nghiệp	2007
18	Thực hành thiết kế xây dựng chuồng trại trong chăn nuôi	Giáo Trình Chăn Nuôi Gia Cầm	Nguyễn Duy Hoan	Nông Nghiệp	1998
		Giáo trình Chăn Nuôi lợn	Vũ Đình Tôn	Nông nghiệp	2009
		Giáo trình chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Xuân Trạch	Nông nghiệp Hà Nội	2006
19	Thực hành phối hợp khẩu phần, chế biến thức ăn cho vật nuôi	Giáo trình Dinh dưỡng vật nuôi	Lê Đức Ngoan	ĐH Huế	2014
		Thức ăn và dinh dưỡng động vật	Dương Thanh Liêm	Nông nghiệp	2002
		Sử dụng phụ phẩm nuôi gia súc nhai lại	Nguyễn Xuân Trạch	Nông nghiệp	2003
		Thành phần và giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc, gia cầm Việt Nam	Viện Chăn nuôi Quốc gia	Nông nghiệp	2000
20	Thực hành chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi	Giáo trình chẩn đoán bệnh gia súc, gia cầm	Nguyễn Thị Ngân (chủ biên)	Nông nghiệp	2016
		Giáo trình sinh lý bệnh thú y	Nguyễn Quang Tuyên	Nông nghiệp	2007
21	Thực tế cơ sở	Giáo trình dược lý thú y	Bùi Thị Tho; Nghiêm Thị Anh Đào	Hà Nội	2005
		Giáo trình Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Vũ Duy Giảng	ĐH sư phạm	2007
		Giáo trình Vệ sinh môi trường chăn nuôi	Nguyễn Văn Thu, Nguyễn Thị Tuyết Nhung	ĐH Cần Thơ	2011
		Giáo trình Chăn Nuôi lợn	Vũ Đình Tôn	Nông nghiệp	2009
		Giáo Trình Chăn Nuôi Gia Cầm	Trần Thanh Vân (chủ biên)	Nông nghiệp	2015
		Giáo trình chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Xuân Trạch (chủ biên)	Nông nghiệp	2006
		Giáo trình chẩn đoán bệnh gia súc, gia cầm	Nguyễn Thị Ngân (chủ biên)	Nông nghiệp	2016
		Giáo trình Bệnh truyền nhiễm vật nuôi	Hồ Thị Việt Thu (chủ biên)	ĐH Cần thơ	2014

		Giáo trình Bệnh ngoại khoa thú y	Vũ Như Quán, Sử Thanh Long, Nguyễn Hoài Nam	Học viện Nông nghiệp	2019
		Bệnh sinh sản gia súc	Nguyễn Văn Thanh	Nông nghiệp, Hà Nội	2003
		Giáo trình Ký sinh trùng học thú y	Nguyễn Thị Kim Lan	Nông Nghiệp	2008
22	Thực tập tốt nghiệp	Giáo trình Các phương pháp nghiên cứu nông thôn	Mai Lê Quyên	ĐH Huế	2012
		Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia trong hoạt động khuyến nông - khuyến lâm	Tập thể tác giả	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	1998
		Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân	Nguyễn Hữu Cần, Nico Vromant	Nông nghiệp	2009
23	Luật thú y	Luật thú y số 79/2015/QH13			2015
		Nghị định số 119/2013/NĐ-CP			2013
24	Chăn nuôi cá nước ngọt	Bài giảng Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Huỳnh Phạm Việt Huy	ĐH Nông Lâm T.p HCM	2006
		Giáo trình Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt	Dương Nhựt Long	ĐH Cần Thơ	2003
25	Chăn nuôi dê, thỏ	Giáo trình Chăn nuôi Dê và Thỏ	Đình Văn Bình	Nông nghiệp	2008
		Kỹ thuật Chăn nuôi Dê	Đình Văn Bình, Nguyễn Quang Súc	Nông nghiệp	2009
		Kỹ thuật chăn nuôi thỏ thịt	Nguyễn Thiện, Đình Văn Bình	Nông nghiệp	2009
26	Lập kế hoạch khuyến nông	Giáo trình Lập và quản lý dự án PTNT	Hoàng Mạnh Quân	Nông nghiệp	2007
		Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm	Nguyễn Nam Anh	Nông nghiệp	1998
27	Quản lý chất lượng nông sản, thực phẩm	Quản lý chất lượng trong công nghiệp thực phẩm	Hà Duyên Tư	Khoa học kỹ thuật	2004

		Bài giảng Quản lý chất lượng nông sản	Đỗ Thị Bích Thủy	ĐH Nông lâm Huế	2009
28	Thực hành nông nghiệp tốt và nông nghiệp an toàn	Bài giảng Nông nghiệp sạch (GAP)	Trần Đăng Hòa	ĐH Nông lâm Huế	2009
		Sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	Phạm Thị Thùy	Nông nghiệp	2006
29	Lập và quản lý dự án	Giáo trình lập và quản lý dự án phát triển nông thôn	Hoàng Mạnh Quân	Nông nghiệp Hà Nội	2007
30	Quản trị doanh nghiệp	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Giao thông vận tải	2012
		Quản trị doanh nghiệp	Nguyễn Gia Hội, Phan Thăng	Thống kê	2010
31	Marketing căn bản	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	Kinh tế Quốc dân	2012
		Quản trị Marketing	Trương Đình Chiến	Kinh tế Quốc dân	2013

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC
MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
NGÀNH, NGHỀ: CHĂN NUÔI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL, ngày 27 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)*

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Chăn nuôi trình độ cao đẳng là nghề sản xuất tạo ra các loại sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ cho nhu cầu đời sống con người và cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các công việc chủ yếu của nghề bao gồm: Tư vấn thiết kế chuồng trại, hướng dẫn kỹ thuật về chăn nuôi; sản xuất kinh doanh chăn nuôi; lập kế hoạch, quản lý, điều hành các trang trại chăn nuôi và các nhiệm vụ khác liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi.

Người làm nghề chăn nuôi thường làm việc tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu; công ty chăn nuôi; công ty giống vật nuôi; công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi; cơ sở ấp trứng gia cầm; kinh doanh thức ăn chăn nuôi; các trang trại chăn nuôi; các hợp tác xã chăn nuôi; tự tạo việc làm; các cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác có liên quan đến chăn nuôi.

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 2070 giờ, tương đương 90 tín chỉ.

2. Kiến thức

- Mô tả được cấu trúc và chức năng sinh lý của các tổ chức, cơ quan bộ phận trong cơ thể động vật;
- Trình bày được các yêu cầu khi chọn địa điểm, kiểu chuồng nuôi;
- Trình bày được các bước thiết kế một chuồng trại chăn nuôi;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp và các yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế xây dựng chuồng trại chăn nuôi;
- Trình bày được nguyên lý và phương pháp bố trí các dụng cụ, trang thiết bị chuồng nuôi và trại chăn nuôi;
- Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm và khả năng sản xuất của từng loại vật nuôi;
- Trình bày được phương pháp giám định, chọn lọc và nhân giống vật nuôi;
- Trình bày được các điều kiện để khai thác tinh dịch, phối giống;
- Mô tả được các bước thực hiện công việc truyền tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm;
- Trình bày được tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn cho gia súc, gia cầm;
- Trình bày được đặc điểm và cách sử dụng các loại thức ăn, phương pháp chế biến, phương pháp phối hợp khẩu phần ăn, phối trộn thức ăn, bảo quản và quản lý thức ăn chăn nuôi;
- Trình bày được các bước công việc tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng thức ăn;

- Trình bày được cách sử dụng một số chất phụ gia và thức ăn bổ sung, bổ sung vào khẩu phần ăn cho vật nuôi;
- Trình bày được quy trình trồng và chăm sóc cây thức ăn chăn nuôi;
- Trình bày được kỹ thuật sử dụng một số chế phẩm vi sinh vật hữu ích ứng dụng vào chế biến thức ăn và xử lý môi trường chăn nuôi;
- Trình bày được các bước công việc trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm và động vật khác);
- Trình bày được quy trình phòng và phương pháp chẩn đoán, trị bệnh một số bệnh thường gặp ở vật nuôi;
- Trình bày được nguyên lý, các biện pháp kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi tránh ô nhiễm môi trường;
- Trình bày được các bước công việc thực hiện quy trình ấp trứng nhân tạo gia cầm;
- Trình bày được các bước công việc thực hiện quy trình bảo quản, sơ chế một số sản phẩm chăn nuôi đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Mô tả được các bước công việc thực hiện kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi và dụng cụ, thiết bị chăn nuôi;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

3. Kỹ năng

- Tư vấn thiết kế được chuồng trại chăn nuôi phù hợp với các phương thức và quy mô chăn nuôi theo TVCN;
- Bố trí, sắp xếp được các dụng cụ, trang thiết bị trong chuồng nuôi khoa học và đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Giám định, chọn lọc và nhân được giống vật nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật giống vật nuôi theo TVCN;
- Xây dựng và phối trộn được khẩu phần ăn phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng các giai đoạn sinh trưởng phát triển của các loại vật nuôi đúng yêu cầu kỹ thuật theo TCVN;
- Thực hiện được các bước công việc sản xuất, chế biến, bảo quản, sử dụng và quản lý thức ăn chăn nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện được các bước công việc trong quy trình trồng và chăm sóc cây thức ăn chăn nuôi;
- Tổ chức và thực hiện được các bước công việc trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện được việc theo dõi khả năng tiêu tốn thức ăn đối với gia súc, gia cầm;
- Lập được quy trình phòng bệnh cho đàn vật nuôi đạt hiệu quả;
- Thực hiện trợ sản được cho gia súc cái đẻ đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Thực hiện được việc theo dõi sức khỏe ban đầu đối với đàn gia súc, gia cầm nhằm phát hiện trường hợp bất thường để có biện pháp xử lý khi cần thiết;
- Thực hiện được công việc chẩn đoán và điều trị được một số bệnh thường gặp ở vật nuôi;

- Thực hiện được các bước công việc huấn luyện đực giống; khai thác, kiểm tra đánh giá chất lượng, pha chế, bảo quản tinh dịch; truyền tinh nhân tạo; chẩn đoán có thai và đỡ đẻ cho gia súc đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Tổ chức và thực hiện được các bước công việc trong quy trình kỹ thuật sơ chế, bảo quản sản phẩm chăn nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Đánh giá được mức độ ô nhiễm môi trường chăn nuôi và ứng dụng một số kỹ thuật, công nghệ trong xử lý chất thải chăn nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật;
- Tổ chức và thực hiện được các hoạt động kinh doanh thức ăn, giống vật nuôi, dụng cụ, thiết bị chăn nuôi đạt hiệu quả;
- Sử dụng được các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra nền sản xuất nông nghiệp bền vững và phát triển;
- Tư vấn và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi đạt hiệu quả;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Tự chịu trách nhiệm về công việc của mình trước cơ quan, doanh nghiệp và chính quyền nơi mình công tác;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc và vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên khác trong nhóm;
- Chủ động, sáng tạo, khoa học, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- Thích nghi tốt với những môi trường làm việc khó khăn, vất vả;
- Luôn hoàn thành tốt những công việc thường xuyên được giao.

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tư vấn thiết kế chuồng trại chăn nuôi;
- Sản xuất giống vật nuôi;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Khai thác, pha chế và bảo quản tinh dịch;
- Thụ tinh nhân tạo;
- Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi;

- Ấp trứng nhân tạo;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống và dụng cụ, thiết bị chăn nuôi.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Chăn nuôi trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

- Chương trình đào tạo Đại học ngành Chăn nuôi của Học viện Nông Nghiệp Việt Nam.

- Chương trình đào tạo Đại học ngành Chăn nuôi – Thú y của Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.